

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chính sách trợ cấp đối với người học là học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập theo hình thức chính quy tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chính sách nội trú đối với người học là học sinh, sinh viên học chương trình giáo dục trung học nghề, chương trình đào tạo trình độ trung cấp, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: đối tượng, điều kiện hưởng, mức hưởng, nguyên tắc thực hiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương thức chi trả, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chính sách trợ cấp quy định tại Nghị định này là khoản hỗ trợ hằng tháng nhằm góp phần bảo đảm điều kiện sinh hoạt thiết yếu cho người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này trong thời gian học tập tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Chính sách nội trú quy định tại Nghị định này gồm học bổng chính sách, hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán và hỗ trợ đi lại đối với người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này trong thời gian học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo quy định tại Nghị định này gồm: các thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, xã, phường khu vực biên giới đất liền, xã, phường, đặc khu khu vực biên giới biển theo danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành và còn hiệu lực tại thời điểm xét hưởng chính sách.

4. Chính sách hỗ trợ có cùng tính chất là chính sách hỗ trợ có cùng mục tiêu, cùng nội dung chi và cùng thời gian hỗ trợ với chính sách quy định tại Nghị định này.

Chương II

CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP, CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Điều 3. Đối tượng hưởng chính sách

1. Đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp là sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập theo hình thức chính quy tại cơ sở giáo dục đại học; học sinh đang học chương trình giáo dục trung học nghề và học sinh, sinh viên đang học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (người học), thuộc một trong các nhóm đối tượng sau đây:

a) Người học là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo;

b) Người học thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ;

c) Người học mồ côi cả cha và mẹ, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật;

d) Người học là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

2. Đối tượng được hưởng chính sách nội trú là học sinh, sinh viên đang học chương trình giáo dục trung học nghề, chương trình đào tạo trình độ trung cấp, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (người học), thuộc một trong các nhóm đối tượng sau đây:

a) Người học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật;

b) Người học là người dân tộc Kinh, là người khuyết tật, có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo;

c) Người học là người dân tộc Kinh, thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

3. Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Người học thuộc diện cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo theo đặt hàng hoặc các chương trình đã được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí sinh hoạt, học tập theo chính sách riêng;

b) Người học bằng đại học thứ hai; người học ngành sư phạm đã được hưởng chính sách hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt theo quy định; người học chương trình đào tạo từ xa, vừa làm vừa học hoặc chương trình không tổ chức học tập tập trung thường xuyên tại cơ sở giáo dục;

c) Người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, trừ người học hệ dân sự chính quy;

d) Học viên cao học, nghiên cứu sinh đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm xét hưởng chính sách.

Điều 4. Chính sách trợ cấp

1. Người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này được hưởng trợ cấp hằng tháng trong thời gian học tập tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Thời gian hưởng chính sách trợ cấp được tính từ thời điểm người học đủ điều kiện hưởng chính sách đến khi hoàn thành chương trình đào tạo, nhưng không vượt quá thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo theo quy định. Chính sách trợ cấp được thực hiện 12 tháng trong một năm học.

3. Người học thuộc một trong các nhóm đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này được hưởng mức trợ cấp bằng 80% mức lương cơ sở.

4. Người học đồng thời thuộc từ 02 nhóm đối tượng trở lên được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này được hưởng mức trợ cấp bằng 100% mức lương cơ sở.

Điều 5. Chính sách nội trú

1. Mức học bổng chính sách được quy định như sau:
 - a) Bằng 100% mức lương cơ sở đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
 - b) Bằng 80% mức lương cơ sở đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
 - c) Bằng 60% mức lương cơ sở đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này.
2. Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán và hỗ trợ đi lại:
 - a) Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân một lần cho toàn khóa học bằng 60% mức lương cơ sở/người/khóa học;
 - b) Hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán bằng 10% mức lương cơ sở/người/lần đối với người học ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán;
 - c) Hỗ trợ đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại bằng 20% mức lương cơ sở/người/năm đối với người học có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III); bằng 15% mức lương cơ sở/người/năm đối với các đối tượng còn lại.

Điều 6. Nguyên tắc hưởng và chi trả chính sách

1. Người học chỉ được hưởng một mức trợ cấp tương ứng với số nhóm đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định này.
2. Trường hợp người học đồng thời học nhiều ngành, nghề, chương trình đào tạo hoặc học tại nhiều cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng chính sách đối với một ngành, nghề, chương trình đào tạo tại một cơ sở giáo dục. Người học đã được hưởng chính sách đối với một chương trình đào tạo thì không được tiếp tục hưởng chính sách có cùng nội dung đối với chương trình đào tạo khác cùng trình độ.
3. Trường hợp người học đồng thời thuộc diện hưởng nhiều chính sách của Nhà nước có cùng mục tiêu, cùng nội dung chi và cùng thời gian hỗ trợ thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Trường hợp người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp đồng thời thuộc đối tượng hưởng chính sách trợ cấp và chính sách nội trú theo Nghị định này thì được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng cao nhất giữa chính sách trợ cấp và học bổng chính sách trong chính sách nội trú; các khoản hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, hỗ trợ đi lại trong chính sách nội trú được thực hiện nếu người học đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị định này.
5. Chính sách trợ cấp được tính theo tháng và được thực hiện 12 tháng trong một năm học, bao gồm thời gian nghỉ theo kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục. Thời gian người học tạm dừng học, bị đình chỉ học tập hoặc học vượt quá thời gian đào tạo chuẩn không được tính hưởng chính sách.

6. Học bổng chính sách trong chính sách nội trú đối với người học chương trình đào tạo theo niên chế trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cấp đủ 12 tháng trong một năm học. Đối với chương trình đào tạo theo mô-đun, tín chỉ, số tháng hưởng trong một năm học được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tháng} \\ \text{hưởng} \end{array} = \frac{12 \text{ tháng} \times \text{Số tín chỉ của các môn học, mô đun người học đã tham gia học tập và được cơ sở GDNN xác nhận trong năm học}}{\text{Tổng số tín chỉ bình quân của một năm học theo tiến độ của chương trình đào tạo}}$$

Kết quả quy đổi có phần lẻ dưới 0,5 tháng được làm tròn xuống; phần lẻ từ 0,5 tháng trở lên được làm tròn lên. Số tháng hưởng không vượt quá 12 tháng trong một năm học và không vượt quá thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm xác định số tháng hưởng và lập danh sách làm căn cứ chi trả, quyết toán. Trường hợp số tín chỉ người học thực tế tham gia học tập có thay đổi so với số lượng đã được xác nhận làm căn cứ chi trả kỳ trước thì cơ sở giáo dục thực hiện điều chỉnh, xác nhận lại vào kỳ chi trả tiếp theo.

7. Chính sách trợ cấp và học bổng chính sách trong chính sách nội trú được chi trả theo kỳ, 02 lần trong năm học: lần thứ nhất chi trả 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hằng năm; lần thứ hai chi trả 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau. Đối với chương trình đào tạo có thời gian học năm cuối không đủ 12 tháng hoặc chương trình đào tạo dưới 01 năm, học bổng chính sách trong chính sách nội trú được chi trả theo số tháng học thực tế hoặc số tháng được quy đổi theo khoản 6 Điều này.

8. Các khoản hỗ trợ khác trong chính sách nội trú được chi trả theo thời điểm phát sinh hoặc trong kỳ chi trả gần nhất, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, đúng mức hưởng; trong đó hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân được chi trả một lần trong toàn khóa học, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, hỗ trợ đi lại được chi trả một lần trong năm học.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, CHI TRẢ, DỪNG VÀ THU HỒI CHÍNH SÁCH

Điều 7. Hồ sơ hưởng chính sách trợ cấp

1. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách trợ cấp gồm:

a) Đơn đề nghị hưởng chính sách trợ cấp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập;

b) Giấy xác nhận hưởng chính sách trợ cấp theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này đối với người học tại cơ sở giáo dục tư thục;

c) Giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh người học thuộc một hoặc nhiều nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Giấy tờ, thông tin, dữ liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách trợ cấp được xác định theo từng nhóm đối tượng như sau:

a) Đối với người học là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo: thông tin về dân tộc, nơi thường trú của người học và thông tin về địa bàn thường trú thuộc danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Đối với người học thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo: thông tin, dữ liệu hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ còn hiệu lực tại thời điểm xét hưởng chính sách;

c) Đối với người học mồ côi cả cha và mẹ, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa: giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh tình trạng mồ côi, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật;

d) Đối với người học là người khuyết tật: thông tin, dữ liệu, giấy xác nhận khuyết tật hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

3. Trường hợp thông tin về đối tượng hưởng chính sách đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu để giải quyết chính sách, không yêu cầu người học nộp lại giấy tờ đã có thông tin trên hệ thống.

Điều 8. Trình tự, thẩm định, phê duyệt và chi trả chính sách trợ cấp

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo công khai chính sách trợ cấp, thời hạn nộp hồ sơ, phương thức nộp hồ sơ và hướng dẫn người học nộp hồ sơ theo quy định.

2. Người học nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các phương thức sau đây: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

Hồ sơ được nộp chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhập học. Trường hợp trong quá trình học tập, do có sự thay đổi khách quan mà người học trở thành đối tượng được hưởng chính sách thì hồ sơ được nộp chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ xác định đối tượng hưởng chính sách.

Hồ sơ được nộp một lần trong khóa học. Trường hợp giấy tờ, thông tin, dữ liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách hết hiệu lực hoặc có thay đổi thì người học có trách nhiệm cập nhật, bổ sung thông tin liên quan, không phải nộp lại toàn bộ hồ sơ.

3. Đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng trợ cấp, lập dự toán và tổ chức chi trả theo quy định.

4. Đối với người học tại cơ sở giáo dục tư thục, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập xác nhận tình trạng học tập, thông tin về chương trình đào tạo theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này và hướng dẫn người học gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú hoặc cơ sở giáo dục gửi xác nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú trên môi trường điện tử để thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả.

5. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo một lần, đầy đủ các nội dung cần bổ sung, hoàn thiện cho người học. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng trợ cấp và tổ chức chi trả trong thời hạn 10 ngày.

6. Chính sách trợ cấp được tính hưởng từ thời điểm người học nhập học đối với hồ sơ được nộp đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với người học trở thành đối tượng hưởng chính sách trong quá trình học tập, chính sách được tính hưởng từ thời điểm có căn cứ xác định người học thuộc đối tượng hưởng chính sách.

7. Việc chi trả chính sách trợ cấp được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Nghị định này và qua tài khoản thanh toán của người học.

Việc chi trả bằng tiền mặt được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Người học không thể mở hoặc sử dụng tài khoản thanh toán do nguyên nhân khách quan;

b) Tại địa bàn nơi thực hiện chi trả chưa có hoặc chưa đáp ứng điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán;

c) Hệ thống thanh toán gặp sự cố hoặc bị gián đoạn;

d) Xảy ra thiên tai, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp, sự kiện bất khả kháng hoặc trường hợp khách quan khác không thể thực hiện chi trả qua tài khoản thanh toán.

Cơ quan chi trả quyết định việc chi trả bằng tiền mặt, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán và quyết toán theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp người học chưa được nhận chính sách trợ cấp đúng thời hạn do lỗi của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết, chi trả hoặc do nguyên nhân khách quan thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả gần nhất.

9. Cơ quan chi trả có trách nhiệm công khai thủ tục, thời gian chi trả để người học nhận chính sách kịp thời, đúng quy định.

Điều 9. Hồ sơ hưởng chính sách nội trú

1. Hồ sơ hưởng chính sách nội trú gồm:

a) Đơn đề nghị hưởng chính sách nội trú theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này đối với người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

b) Giấy xác nhận hưởng chính sách nội trú theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đối với người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực;

c) Giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh người học thuộc một trong các nhóm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này: Thông tin, dữ liệu hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo còn hiệu lực tại thời điểm xét hưởng chính sách đối với người học thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; thông tin, dữ liệu, giấy xác nhận khuyết tật hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người học là người khuyết tật.

2. Trường hợp đề nghị hưởng hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, người học cung cấp thông tin hoặc xác nhận của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về việc ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán.

3. Trường hợp thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu để giải quyết chính sách, không yêu cầu người học cung cấp lại giấy tờ hoặc thông tin đã có trên hệ thống.

Điều 10. Trình tự, thẩm định, phê duyệt và chi trả chính sách nội trú

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo công khai chính sách nội trú, thời hạn nộp hồ sơ, phương thức nộp hồ sơ và hướng dẫn người học nộp hồ sơ theo quy định.

2. Người học nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các phương thức sau đây: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

Hồ sơ được nộp chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhập học. Trường hợp trong quá trình học tập, do có sự thay đổi khách quan mà người học trở thành đối tượng được hưởng chính sách thì hồ sơ được nộp chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ xác định đối tượng hưởng chính sách.

3. Đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách nội trú, lập dự toán và tổ chức chi trả theo quy định.

4. Đối với người học tại cơ sở giáo dục tư thực, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập xác nhận tình trạng học tập, thông tin về chương trình đào tạo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này và hướng dẫn người học gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú hoặc cơ sở giáo dục gửi xác nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú trên môi trường điện tử để thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả.

5. Hồ sơ được nộp một lần trong khóa học. Trường hợp giấy tờ, thông tin, dữ liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách hết hiệu lực hoặc có thay đổi thì người học có trách nhiệm cập nhật, bổ sung thông tin liên quan, không phải nộp lại toàn bộ hồ sơ.

6. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo một lần, đầy đủ các nội dung cần bổ sung, hoàn thiện cho người học. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng trợ cấp và tổ chức chi trả trong thời hạn 10 ngày.

7. Chính sách nội trú được tính hưởng từ thời điểm người học nhập học đối với hồ sơ được nộp đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với người học trở thành đối tượng hưởng chính sách trong quá trình học tập, chính sách được tính hưởng từ thời điểm có căn cứ xác định người học thuộc đối tượng hưởng chính sách.

8. Việc chi trả chính sách nội trú được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Nghị định này và qua tài khoản thanh toán của người học.

Việc chi trả bằng tiền mặt được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Người học không thể mở hoặc sử dụng tài khoản thanh toán do nguyên nhân khách quan;
- b) Tại địa bàn nơi thực hiện chi trả chưa có hoặc chưa đáp ứng điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán;
- c) Hệ thống thanh toán gặp sự cố hoặc bị gián đoạn;
- d) Xảy ra thiên tai, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp, sự kiện bất khả kháng hoặc trường hợp khách quan khác không thể thực hiện chi trả qua tài khoản thanh toán.

Cơ quan chi trả quyết định việc chi trả bằng tiền mặt, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán và quyết toán theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp người học chưa được nhận chính sách nội trú đúng thời hạn do lỗi của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết, chi trả hoặc do nguyên nhân khách quan thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả gần nhất.

10. Cơ quan chi trả có trách nhiệm công khai thủ tục, thời gian chi trả để người học nhận chính sách kịp thời, đúng quy định.

Điều 11. Dừng, tạm dừng và thu hồi chính sách

1. Dừng chi trả chính sách trong các trường hợp sau đây:

- a) Người học không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Nghị định này;
- b) Người học bỏ học, bị buộc thôi học hoặc không còn tiếp tục chương trình đào tạo;

c) Người học đã hoàn thành chương trình đào tạo hoặc hết thời gian được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này;

d) Có quyết định của cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ dừng hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Tạm dừng chi trả chính sách trong các trường hợp sau đây:

a) Người học bị đình chỉ học tập;

b) Người học tạm dừng học và chưa có quyết định hoặc xác nhận của cơ sở giáo dục về việc tiếp tục học tập;

c) Người học bị tạm giữ, tạm giam.

3. Người học được tiếp tục hưởng chính sách kể từ thời điểm trở lại học tập khi có quyết định hoặc xác nhận của cơ sở giáo dục về việc tiếp tục học tập và vẫn thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. Việc chi trả được thực hiện trong kỳ chi trả chung gần nhất; thời gian tạm dừng học không được tính vào thời gian hưởng chính sách, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp lý do dừng hoặc tạm dừng chi trả phát sinh sau khi chính sách đã được chi trả thì cơ quan chi trả xác định số kinh phí đã chi trả tương ứng với thời gian sau thời điểm phát sinh lý do dừng hoặc tạm dừng để khấu trừ vào kỳ chi trả tiếp theo hoặc thu hồi theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở giáo dục tự thực có trách nhiệm gửi quyết định đình chỉ học tập, quyết định buộc thôi học, quyết định cho phép tạm dừng học hoặc thông tin về việc người học bỏ học, không còn tiếp tục chương trình đào tạo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú để thực hiện việc dừng, tạm dừng, điều chỉnh hoặc thu hồi chính sách theo quy định.

6. Cơ quan chi trả thực hiện thu hồi kinh phí trong các trường hợp sau đây:

a) Chính sách được chi trả không đúng đối tượng, không đúng mức hoặc không đúng thời gian hưởng;

b) Người học sử dụng hồ sơ, giấy tờ, thông tin hoặc dữ liệu không trung thực để được hưởng chính sách;

c) Kinh phí đã được chi trả cho thời gian sau thời điểm phát sinh lý do dừng hoặc tạm dừng hưởng chính sách.

Không thu hồi khoản kinh phí đã chi trả đúng đối tượng, đúng mức và đúng thời gian người học còn đủ điều kiện hưởng chính sách trước thời điểm phát sinh lý do dừng hoặc tạm dừng.

Chương IV

KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 12. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí

1. Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ số lượng người học thuộc đối tượng hưởng chính sách trợ cấp, chính sách nội trú theo Nghị định này, các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan trung ương lập, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

2. Cơ sở giáo dục công lập căn cứ mức hưởng và số lượng người học thuộc đối tượng hưởng chính sách để lập danh sách, dự toán kinh phí, gửi cơ quan chủ quản thẩm định, tổng hợp, gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức hưởng và số lượng người học thuộc trách nhiệm chi trả của Ủy ban nhân dân cấp xã để lập danh sách, dự toán kinh phí, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Việc phân bổ dự toán thực hiện như sau:

a) Các bộ, cơ quan trung ương quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo chế độ quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục công lập trực thuộc và đối tượng thuộc trách nhiệm chi trả của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Khi rút dự toán kinh phí thực hiện chính sách, cơ sở giáo dục công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch quyết định phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách kèm theo danh sách chi tiết, trong đó ghi rõ: họ và tên, mã số người học hoặc số định danh cá nhân, nhóm đối tượng, mức hưởng, thời gian hưởng và số tiền đề nghị chi trả. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xác định đối tượng hưởng chính sách được cơ sở giáo dục công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã lưu giữ; cơ sở giáo dục tự thực lưu giữ hồ sơ, tài liệu thuộc trách nhiệm xác nhận của mình để phục vụ kiểm tra, thanh tra, quyết toán, kiểm toán và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

7. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp, chính sách nội trú thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, các văn bản hướng dẫn và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

8. Hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về kết quả thực hiện chính sách trợ cấp, chính sách nội trú đối với người học.

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách đối với người học tại các cơ sở giáo dục thuộc trung ương quản lý và hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách theo cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với các chính sách an sinh xã hội trong từng thời kỳ.

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách đối với người học tại các cơ sở giáo dục thuộc địa phương quản lý và người học thuộc trách nhiệm chi trả của địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này trên phạm vi cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách; định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc xác nhận, thẩm định, chi trả, báo cáo và quản lý hồ sơ người học được hưởng chính sách theo quy định.

4. Chủ trì xây dựng, vận hành hoặc kết nối hệ thống thông tin phục vụ quản lý, xét duyệt, chi trả, theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện chính sách; tổ chức kết nối, chia sẻ, khai thác và đối soát dữ liệu về người học với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm xác định đúng đối tượng, phòng ngừa việc hưởng sai, hưởng trùng chính sách, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đánh giá tác động của chính sách đối với người học là người dân tộc thiểu số.

2. Tổ chức thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Các bộ, cơ quan trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính trong việc kết nối, cung cấp, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ xác định đối tượng, địa bàn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan trung ương có cơ sở giáo dục công lập trực thuộc có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, gửi cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; phân bổ kinh phí; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện chính sách trên địa bàn;

b) Bố trí kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã kết nối, cung cấp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ xác định đối tượng, giải quyết và kiểm tra việc thực hiện chính sách;

d) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn người học lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với cơ sở giáo dục công lập: tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách; lập dự toán, tổ chức chi trả, quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với cơ sở giáo dục tư thục: xác nhận tình trạng học tập, chương trình đào tạo và các thông tin liên quan đến người học; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thẩm định, chi trả, dừng, tạm dừng, khấu trừ hoặc thu hồi kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

4. Cập nhật, quản lý, cung cấp và chia sẻ dữ liệu về người học thuộc đối tượng hưởng chính sách với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chi trả và cơ quan có thẩm quyền; thực hiện đối soát dữ liệu để xác định đúng đối tượng và phòng ngừa việc hưởng sai, hưởng trùng chính sách.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về kết quả thực hiện chính sách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; cung cấp đầy đủ dữ liệu, hồ sơ, báo cáo và tài liệu phục vụ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

6. Công khai hằng năm trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục số lượng người học được hưởng chính sách, tổng kinh phí đã chi trả và kết quả thực hiện chính sách dưới dạng thông tin tổng hợp, bảo đảm không công khai dữ liệu cá nhân của người học trái quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và tính chính xác của thông tin, dữ liệu, nội dung xác nhận do cơ sở giáo dục cung cấp.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả chính sách đối với người học thuộc trách nhiệm chi trả của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị định này.

2. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Phối hợp với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý dữ liệu và cơ quan có liên quan trong việc kết nối, cung cấp, chia sẻ, khai thác và đối soát dữ liệu để xác minh đối tượng hưởng chính sách, tình trạng học tập; xử lý trường hợp dừng, tạm dừng, tiếp tục chi trả, truy lĩnh, khấu trừ hoặc thu hồi kinh phí theo quy định.

4. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về số lượng người học được hưởng chính sách, kinh phí thực hiện và kết quả chi trả theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu; công khai trình tự, thủ tục và thời gian chi trả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện chính sách thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 20. Trách nhiệm của người học

1. Kê khai và nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn theo quy định.

2. Cập nhật, bổ sung giấy tờ, thông tin, dữ liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách khi hết hiệu lực hoặc có thay đổi; không phải nộp lại thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thông báo kịp thời cho cơ sở giáo dục hoặc cơ quan chi trả khi có thay đổi về đối tượng hưởng chính sách, tình trạng học tập, quan hệ lao động, việc tham gia bảo hiểm xã hội hoặc thông tin khác làm thay đổi điều kiện hưởng chính sách.

4. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ việc xác minh, đối soát, kiểm tra và giải quyết chính sách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Hoàn trả khoản kinh phí đã nhận không đúng đối tượng, không đúng mức, không đúng thời gian hưởng hoặc do sử dụng hồ sơ, giấy tờ, thông tin, dữ liệu không trung thực để hưởng chính sách.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ quy định về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

b) Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

d) Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người học đã được phê duyệt hưởng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và tiếp tục thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định này thì được chi trả theo quyết định đã phê duyệt đến hết kỳ chi trả đó; kể từ kỳ chi trả tiếp theo, mức hưởng và việc chi trả được thực hiện theo Nghị định này, không truy lĩnh phần chênh lệch của các kỳ chi trả trước.

2. Người học đang hưởng chính sách theo các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này nhưng không thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định này, bao gồm người học tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú, thì tiếp tục được hưởng theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến khi kết thúc chương trình đào tạo đang theo học nhưng không vượt quá thời gian đào tạo chuẩn.

3. Hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX(03b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG